

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 20/05/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT1487	Chu Thế Anh	30/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
2	CNTT1488	Mông Văn Ân	24/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
3	CNTT1489	Phương Quốc Bảo	25/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt	
4	CNTT1490	Vi Thị Mai Chi	05/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	6,0	6,0	Đạt	
5	CNTT1491	Nông Đức Chiêu	06/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
6	CNTT1492	Vi Văn Chính	02/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
7	CNTT1493	Lâm Thị Chung	04/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	6,2	5,5	Đạt	
8	CNTT1494	Lường Văn Chuyên	09/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt	
9	CNTT1495	Thị Văn Cương	12/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
10	CNTT1496	La Tuấn Cường	28/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
11	CNTT1497	Hoàng Thị Ngọc Dịu	20/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,5	Đạt	
12	CNTT1498	Phương Văn Dũng	21/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt	
13	CNTT1499	Vy Văn Dũng	04/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
14	CNTT1500	Hoàng Đức Duy	09/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt	
15	CNTT1501	Hà Tùng Dương	20/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
16	CNTT1502	Lý Thị Đẹp	02/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,5	Đạt	
17	CNTT1503	Vy Văn Đẹp	22/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
18	CNTT1504	Tô Thị	Đông	01/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,0	Đạt	
19	CNTT1505	Triệu Phúc	Đức	29/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	Đạt	
20	CNTT1506	Sầm Văn	Được	21/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
21	CNTT1507	Hoàng Trường	Giang	03/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
22	CNTT1508	Nông Văn	Giang	10/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
23	CNTT1509	Vi Thị	Giang	08/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	Đạt	
24	CNTT1510	Hoàng Ngọc	Hà	06/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt	
25	CNTT1511	Hoàng Thị	Hà	10/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,0	5,5	Đạt	
26	CNTT1512	Hứa Thu	Hà	18/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
27	CNTT1513	Lý Ngọc	Hà	04/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,5	Đạt	
28	CNTT1514	Hoàng Văn	Hải	12/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
29	CNTT1515	Nông Trung	Hải	02/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
30	CNTT1516	Lộc Văn	Hảo	05/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
31	CNTT1517	Lý Thị	Hằng	01/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt	
32	CNTT1518	Hà Văn	Hiển	16/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
33	CNTT1519	Phan Thế	Hiển	23/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
34	CNTT1520	Triệu Chòi	Hiển	12/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,0	6,0	Đạt	
35	CNTT1521	Triệu Văn	Hiển	29/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,7	5,0	Đạt	
36	CNTT1522	Lành Văn	Hiệp	08/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
37	CNTT1523	Chu Minh	Hiếu	17/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
38	CNTT1524	Chu Quang	Hiếu	19/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,0	Đạt	
39	CNTT1525	Hoàng Văn	Hiếu	25/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
40	CNTT1526	Triệu Tài	Hình	26/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,7	5,5	Đạt	
41	CNTT1527	Nông Thị	Hoa	26/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
42	CNTT1528	Vi Thị Hồng	Hoa	15/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
43	CNTT1529	Lý Thị	Hoan	22/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	6,5	5,5	Đạt	
44	CNTT1530	Lâm Việt	Hoàn	01/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Sán Chỉ	7,0	5,5	Đạt	
45	CNTT1531	Vi Trọng	Hoàn	01/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
46	CNTT1532	Lâm Việt	Hoàng	08/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	
47	CNTT1533	Nông Văn	Hồng	10/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
48	CNTT1534	Phùng Văn	Hợp	12/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
49	CNTT1535	Hoàng Văn	Huy	26/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
50	CNTT1536	Hoàng Văn	Huy	21/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt	
51	CNTT1537	Luân Thị	Huyền	30/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,0	Đạt	
52	CNTT1538	Nguyễn Văn	Huỳnh	21/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt	
53	CNTT1539	Triệu Thị	Hương	27/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,5	6,0	Đạt	
54	CNTT1540	Tăng Thị	Hường	16/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	5,5	Đạt	
55	CNTT1541	Chu Bảo	Khanh	27/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
56	CNTT1542	Vi Văn	Khiêm	09/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
57	CNTT1543	Lưu Văn	Khuyên	10/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
58	CNTT1544	Tô Văn	Kiên	06/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
59	CNTT1545	Lâm Văn	Kim	19/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
60	CNTT1546	Hoàng Văn	Liêm	11/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
61	CNTT1547	Chu Diệu	Linh	24/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
62	CNTT1548	Hoàng Thị	Lĩnh	21/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	6,7	5,5	Đạt	
63	CNTT1549	Vi Văn	Lý	12/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
64	CNTT1550	Chu Văn	Minh	11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	6,0	Đạt	
65	CNTT1551	Dương Văn	Nghĩa	06/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
66	CNTT1552	Hoàng Minh	Nghĩa	18/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
67	CNTT1553	Nông Văn	Ngọc	08/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
68	CNTT1554	Lâm Đức	Nguyên	02/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt	
69	CNTT1555	Vi Trung	Nguyên	06/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
70	CNTT1556	La Thị	Phương	10/12/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt	
71	CNTT1557	Hoàng Minh	Quang	02/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
72	CNTT1558	Triệu Văn	Quang	03/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	5,5	Đạt	
73	CNTT1559	Dương Phúc	Quân	02/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,0	Đạt	
74	CNTT1560	Lạc Mạnh	Quân	14/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
75	CNTT1561	Lộc Văn	Quân	29/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt	
76	CNTT1562	Hoàng Văn	Quý	23/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
77	CNTT1563	Bế Văn	Sinh	16/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
78	CNTT1564	Nông Thị	Slur	14/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
79	CNTT1565	Lê Văn	Tài	26/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	
80	CNTT1566	Nông Văn	Tài	01/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	
81	CNTT1567	Triệu Thanh	Thảo	12/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,5	5,5	Đạt	
82	CNTT1568	Chu Văn	Thiện	18/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	6,5	Đạt	
83	CNTT1569	Nông Thị	Thơ	07/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	Đạt	
84	CNTT1570	Nông Văn	Thơm	02/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	Đạt	
85	CNTT1571	Hoàng Văn	Thụ	30/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,0	Đạt	
86	CNTT1572	Nông Thị	Thúy	01/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt	
87	CNTT1573	Triệu Thị	Thủy	11/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,0	6,0	Đạt	
88	CNTT1574	Hoàng Mạnh	Thư	03/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,5	Đạt	
89	CNTT1575	Lý Văn	Thư	23/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
90	CNTT1576	La Văn	Thức	14/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
91	CNTT1577	Nguyễn Văn	Toàn	12/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	Đạt	
92	CNTT1578	Hoàng Văn	Trung	28/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
93	CNTT1579	Lộc Văn	Tuấn	22/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
94	CNTT1580	Dương Thanh	Tùng	12/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
95	CNTT1581	Hoàng Văn	Tươi	29/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,5	Đạt	
96	CNTT1582	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	06/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	Đạt	
97	CNTT1583	Luân Văn	Tỷ	15/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
98	CNTT1584	Triệu Thị	Vân	03/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,7	6,0	Đạt	
99	CNTT1585	Trần Văn	Việt	17/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,0	Đạt	
100	CNTT1586	Nguyễn Thế	Vinh	07/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	
101	CNTT1587	Vương Thị	Dung	27/08/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,5	Đạt	
102	CNTT1588	Nguyễn Thị Hoài	Đức	15/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
103	CNTT1589	Nguyễn Thị	Huệ	20/12/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,2	7,5	Đạt	
104	CNTT1590	Lê Quang	Linh	27/01/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6,7	8,5	Đạt	
105	CNTT1591	Nông Thị	Nga	19/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	7,5	Đạt	
106	CNTT1592	Lành Văn	Nguyên	12/07/1969	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	8,0	Đạt	
107	CNTT1593	Kiều Xuân	Quảng	20/12/1977	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
108	CNTT1594	Hoàng Xuân	Quý	08/01/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	6,5	8,0	Đạt	
109	CNTT1595	Mã Thị Huyền	Trang	05/04/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	8,0	Đạt	
110	CNTT1596	Nguyễn Thùy	Trang	01/02/2000	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,5	Đạt	
111	CNTT1597	Nguyễn Thị Kim	Trinh	17/09/1998	Thái Bình	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt	
112	CNTT1598	Trần Hữu	Tú	25/09/1980	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
113	CNTT1599	Nguyễn Như	Tuyền	20/10/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
114	CNTT1600	Hoàng Đình	Vũ	30/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
115	CNTT1601	Trương Văn	Vũ	30/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
116	CNTT1602	Vi Triệu	Vũ	02/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
117	CNTT1603	Hoàng Văn	Vương	06/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Sán Chỉ	6,5	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
118	CNTT1604	Nguyễn Thị	Yên	21/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	
119	CNTT1605	Vi Tiểu	Yến	16/04/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	8,0	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: **119**

Số thí sinh vắng thi: **0**

Số thí sinh dự thi: **119**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **119**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **0**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2022

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Nguyễn Công Thành